

Bản án số: 101/2023/HSST
Ngày: 24/8/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hoà;

Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2023/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trung H, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Nông.

Căn cước công dân số 067091006XXX cấp ngày 07/02/2023

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung P và bà Trương Thị L; tiền sự: Không

Tiền án: Ngày XX/XX/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

Ngày XX/4/2006 bị Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng.

Ngày XX/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh, Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày XX/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày XX/4/2023 cho đến nay, (có mặt).

- Bị hại: Điều G, sinh năm 1993, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 16/4/2023 Nguyễn Trung H đi xe ô tô khách từ nhà đến xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước để dự tiệc cưới của người quen. Sau khi dự tiệc xong H đi bộ đến tiệm điện thoại gần nhà hàng tiệc cưới để mua điện thoại. Khi đến nơi H gặp và nói chuyện với ông Điều M một lúc thì ông M chở H vào nhà mình chơi. Khi đến nhà H nói chuyện với vợ chồng anh Điều G (là con của ông M). Sau đó H đi vào nhà anh Điều G sát bên cạnh nhà ông Điều M. Khi vào H thấy có 01 cái ví da để trên kệ gỗ gần giường màu nâu trên ví có ghi “Bộ Công An”. H liền lấy trộm ví bên trong ví có 3.000.000 đồng bỏ vào túi quần bên trái đi ra ngoài. Anh Điều G đi vào nhà thấy ví bị mất nên nghi ngờ cho H lấy nên đã giữ H lại để kiểm tra thì H lấy trong túi quần ra đưa cho anh G bên trong vẫn còn 3.000.000 đồng. Lợi dụng sơ hở H bỏ chạy nhưng bị gia đình ông M bắt giữ và giao cho Công an xã T xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận: 01 cái ví da màu nâu ghi chữ “Bộ Công An” có giá 20.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị hại anh Điều G số tiền 3.000.000 đồng và 01 cái ví da màu nâu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nào khác.

Tại Cáo trạng số XX/CT – VKS.BĐ ngày 01/8/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Trung H phạm Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Bị cáo Nguyễn Trung H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 16/4/2023, Nguyễn Trung H có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 ví da bên trong có chứa 3.000.000 đồng của anh Điều G tại Thôn S, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H đã phạm vào Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài. Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Bản thân bị cáo đã có tiền án về Tội trộm cắp tài sản bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho bị hại anh Điều G số tiền 3.000.000 đồng và 01 cái ví da màu nâu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 năm, 06 tháng tù (một năm, sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2023.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh